

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 450/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 01/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 26/6/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1709	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	22/12/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	8,5	DBG011389	CNTT/22/1773	Đạt	
2	CNTT1710	Nguyễn Thị Ngọc Anh	03/08/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	DBG011390	CNTT/22/1774	Đạt	
3	CNTT1711	Hứa Văn Chắp	28/08/1975	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,0	DBG011391	CNTT/22/1775	Đạt	
4	CNTT1712	Nguyễn Thị Châm	03/01/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG011392	CNTT/22/1776	Đạt	
5	CNTT1713	Lương Thị Diệu	31/12/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,2	7,0	DBG011393	CNTT/22/1777	Đạt	
6	CNTT1714	Nguy Trung Hải	29/12/1995	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,5	DBG011394	CNTT/22/1778	Đạt	
7	CNTT1715	Nguyễn Thị Hào	23/12/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG011395	CNTT/22/1779	Đạt	
8	CNTT1716	Lương Thị Hậu	20/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	DBG011396	CNTT/22/1780	Đạt	
9	CNTT1717	Nguyễn Quốc Hiếu	16/05/1985	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,7	7,0	DBG011397	CNTT/22/1781	Đạt	
10	CNTT1718	Phạm Trung Hiếu	25/02/2001	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	7,5	DBG011398	CNTT/22/1782	Đạt	
11	CNTT1719	Lương Thị Quỳnh Hoa	30/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	8,0	DBG011399	CNTT/22/1783	Đạt	
12	CNTT1720	Vũ Thị Thanh Hoa	17/02/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	7,5	DBG011400	CNTT/22/1784	Đạt	
13	CNTT1721	Lường Thị Hoan	16/09/1977	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,5	DBG011401	CNTT/22/1785	Đạt	
14	CNTT1722	Kiều Thị Huế	15/06/2001	Hà Nam	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG011402	CNTT/22/1786	Đạt	
15	CNTT1723	Lường Thị Huyền	05/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	DBG011403	CNTT/22/1787	Đạt	
16	CNTT1724	Giáp Thị Lan Hương	17/02/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG011404	CNTT/22/1788	Đạt	
17	CNTT1725	Liều Thu Hương	15/09/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	7,5	DBG011405	CNTT/22/1789	Đạt	
18	CNTT1727	Mã Thị Hoàng Kim	01/10/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	8,0	DBG011406	CNTT/22/1790	Đạt	
19	CNTT1729	Hoàng Thị Lâm	23/07/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	8,0	DBG011407	CNTT/22/1791	Đạt	
20	CNTT1730	Ngô Thị Liễu	27/03/1986	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	8,2	7,5	DBG011408	CNTT/22/1792	Đạt	
21	CNTT1731	Đào Mai Linh	30/07/2001	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG011409	CNTT/22/1793	Đạt	
22	CNTT1732	Vì Mỹ Linh	25/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	DBG011410	CNTT/22/1794	Đạt	
23	CNTT1733	Hoàng Thị Loan	30/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	8,0	DBG011411	CNTT/22/1795	Đạt	
24	CNTT1734	Tô Thị Hiền Lương	15/08/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,5	DBG011412	CNTT/22/1796	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
25	CNTT1735	Hoàng Thị Quỳnh Mai	02/06/1997	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,0	DBG011413	CNTT/22/1797	Đạt	
26	CNTT1736	Nguyễn Thị Nga	16/05/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,5	DBG011414	CNTT/22/1798	Đạt	
27	CNTT1737	Trần Thị Thu	01/10/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	7,5	DBG011415	CNTT/22/1799	Đạt	
28	CNTT1738	Hoàng Thị Nghiên	04/03/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	DBG011416	CNTT/22/1800	Đạt	
29	CNTT1739	Ngô Hồng Nhung	09/01/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	7,0	DBG011417	CNTT/22/1801	Đạt	
30	CNTT1740	Vì Thị Non	09/08/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	DBG011418	CNTT/22/1802	Đạt	
31	CNTT1741	Nông Thị Pai	16/05/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	9,5	DBG011419	CNTT/22/1803	Đạt	
32	CNTT1742	Hoàng Minh Phụng	18/05/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,5	DBG011420	CNTT/22/1804	Đạt	
33	CNTT1743	Vì Trọng Quang	11/08/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,0	DBG011421	CNTT/22/1805	Đạt	
34	CNTT1744	Nông Thị Thanh Quế	12/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	8,5	DBG011422	CNTT/22/1806	Đạt	
35	CNTT1745	Lương Thị Quyên	12/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,5	DBG011423	CNTT/22/1807	Đạt	
36	CNTT1746	Triệu Thị Sơn	27/10/1992	Bắc Kan	Nữ	Dao	8,2	7,5	DBG011424	CNTT/22/1808	Đạt	
37	CNTT1747	Lê Thị Thu Thanh	31/03/2003	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	6,7	8,5	DBG011425	CNTT/22/1809	Đạt	
38	CNTT1748	Trần Thị Thanh Thảo	02/02/1979	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG011426	CNTT/22/1810	Đạt	
39	CNTT1749	Bế Hồng Thắm	29/08/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	DBG011427	CNTT/22/1811	Đạt	
40	CNTT1750	Vì Thị Thập	19/04/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,0	DBG011428	CNTT/22/1812	Đạt	
41	CNTT1751	Đặng Kim Thiên	08/01/2000	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	DBG011429	CNTT/22/1813	Đạt	
42	CNTT1752	Triệu Đức Thịnh	26/08/1999	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,5	DBG011430	CNTT/22/1814	Đạt	
43	CNTT1753	Lăng Thị Thương	29/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	DBG011431	CNTT/22/1815	Đạt	
44	CNTT1754	Hoàng Hà Anh Tuấn	19/03/1999	Lạng Sơn	Nam	Kinh	8,0	8,0	DBG011432	CNTT/22/1816	Đạt	
45	CNTT1755	Tạ Văn Tuyên	08/10/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	DBG011433	CNTT/22/1817	Đạt	
46	CNTT1756	Hoàng Hữu Văn	27/08/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	DBG011434	CNTT/22/1818	Đạt	
47	CNTT1757	Chu Thị Vân	09/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	8,0	DBG011435	CNTT/22/1819	Đạt	
48	CNTT1758	Lâm Thị Viện	09/02/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	DBG011436	CNTT/22/1820	Đạt	

Danh sách có 48 thí sinh./.